

## GIẢI QUYẾT MỐI QUAN HỆ LỚN ĐỐI MỐI KINH TẾ VÀ ĐỐI MỐI CHÍNH TRỊ

**TRẦN VĂN KHÁNH<sup>(\*)</sup>**

Từ Đại hội Đảng lần thứ X (2006), Đảng ta đã chỉ ra: “Lý luận chưa giải đáp được một số vấn đề của thực tiễn đổi mới và xây dựng chủ nghĩa xã hội ở nước ta, đặc biệt là trong việc giải quyết các mối quan hệ giữa tốc độ tăng trưởng và chất lượng phát triển; giữa tăng trưởng kinh tế và thực hiện công bằng xã hội; giữa đổi mới kinh tế và đổi mới chính trị; giữa đổi mới với ổn định và phát triển...”<sup>(1)</sup>

Trong Cương lĩnh, (bổ sung, phát triển năm 2011) sau phần về mô hình, mục tiêu và các phương hướng cơ bản, Đảng tiếp tục nhấn mạnh: “Trong quá trình thực hiện các phương hướng cơ bản đó, phải đặc biệt chú trọng nắm vững và giải quyết tốt *các mối quan hệ lớn*: quan hệ giữa đổi mới, ổn định và phát triển; giữa đổi mới kinh tế và đổi mới chính trị; giữa kinh tế thị trường và định hướng xã hội chủ nghĩa; giữa phát triển lực lượng sản xuất và xây dựng, hoàn thiện từng bước quan hệ sản xuất xã hội chủ nghĩa; giữa tăng trưởng kinh tế và phát triển văn hoá, thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội; giữa xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa; giữa độc lập, tự chủ và hội nhập quốc tế; giữa Đảng lãnh đạo, Nhà nước quản lý, nhân dân làm chủ;... Không phiến diện, cực đoan, duy ý chí”<sup>(2)</sup>.

Khi Văn kiện của các Đại hội Đảng liên tục nhấn mạnh như vậy, điều đó nói lên ý nghĩa vô cùng quan trọng và cấp bách của vấn đề. Có thể nói, về thực chất, tám mối quan hệ lớn mà Cương lĩnh (bổ sung, phát triển năm 2011) chỉ ra là những mối quan hệ cơ bản, phổ biến quyết định sự vận động và phát triển của chế độ xã hội nước ta, chi phối trên tất cả các lĩnh vực của

đời sống xã hội, thể hiện trong các nhiệm vụ trực tiếp trước mắt, cũng như những nhiệm vụ cơ bản lâu dài của đất nước. Những mối quan hệ trên đã và đang được các nhà khoa học cũng như Đảng ta nghiên cứu, tổng kết ở những mức độ nhất định. Tuy nhiên, rõ ràng đây là những vấn đề rất lớn, rất khó, cần phải tiếp tục nghiên cứu, tổng kết và làm rõ. Những mối quan hệ này có thể tiếp cận bằng nhiều phương pháp khác nhau để trả lời về lý luận và thực tiễn trong giải quyết vấn đề. Do vậy, việc nhận xét và cụ thể hóa những mối quan hệ này cả ở tầm vĩ mô và vi mô có ý nghĩa đặc biệt quan trọng trong quá trình phát triển của đất nước. Trong những mối quan hệ ấy, theo chúng tôi, thì quan hệ *giữa đổi mới kinh tế và đổi mới chính trị*, suy cho cùng là mối quan hệ giữ vai trò quan trọng hàng đầu. Bởi lẽ, đây là hai lĩnh vực cốt lõi của chế độ xã hội. Chúng ta biết, một trong hai phát minh vĩ đại của Mác là *chủ nghĩa duy vật lịch sử*, nhờ đó đã tìm ra được những qui luật khách quan chi phối sự vận động và phát triển của xã hội loài người. Kinh tế và chính trị, ở từng lĩnh vực, cũng như mối quan hệ giữa chúng đều có những qui luật chung, cơ bản, chi phối trong tất cả các hình thái kinh tế xã hội, cũng như các qui luật đặc thù của từng hình thái kinh tế xã hội. Trong hệ thống các qui luật ấy, dĩ nhiên, nếu không nhận thức thấu đáo các qui luật chung trước khi nhận thức và vận dụng các qui luật đặc thù, qui luật riêng thì chắc chắn hoạt động chỉ là mò mẫm, tự phát. Ngược lại, nếu chỉ dừng lại ở những qui luật chung lại rơi vào bệnh chung chung, giáo điều, sách vở. Còn tiêu chuẩn để đánh giá sự nhận thức và vận dụng đúng đắn hệ thống các qui luật này lại không phải ở lý luận, đường lối, chính sách mà là ở thực tiễn sản xuất, thực tiễn chính trị xã hội. Hay nói như Cương lĩnh (bổ sung phát triển 2011), tám đặc trưng của xã hội xã hội chủ nghĩa mà nhân dân ta xây dựng, trong đó đặc trưng bao trùm, tổng quát: “Dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh”, phải được từng bước hiện thực hóa trên mọi mặt đời sống xã

<sup>(\*)</sup> TS. Phó Hiệu trưởng Trường Cán bộ Thành phố Hồ Chí Minh.

<sup>(1)</sup> Đảng Cộng sản Việt Nam. *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ X*. Nxb Chính trị Quốc gia – Chính trị Quốc gia – Sự thật, 2006, tr. 69.

<sup>(2)</sup> Đảng Cộng sản Việt Nam. *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI*. Nxb Chính trị Quốc gia – Sự thật, Hà Nội, 2011, tr. 72-73

hội và thể hiện trong cuộc sống của mỗi người dân.

Nói đổi mới kinh tế, diễn đạt một cách đơn giản là thay cách nghĩ, cách làm cũ kỹ, lạc hậu, với những biểu hiện cụ thể như chủ quan duy ý chí, hay kinh nghiệm chủ nghĩa bằng cách nghĩ, cách làm mới, tiến bộ, là hoạt động thật sự tự giác của chủ thể để đưa nền kinh tế vận hành đúng qui luật khách quan, mà trong đó mọi tiềm năng của lực lượng sản xuất được khơi dậy và phát huy với năng suất, chất lượng, hiệu quả cao nhất của nó, tăng trưởng kinh tế phải kết hợp hài hòa với phát triển văn hóa, thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội, môi trường sinh thái phải được giữ gìn, bảo đảm. Đây cũng chính là quan điểm *phát triển nhanh gắn liền với phát triển bền vững* mà *Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 2011 – 2020* chỉ ra.

Trải qua hơn 25 năm đổi mới, kể từ Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ VI (1986), trên tất cả các lĩnh vực của đời sống xã hội có những thay đổi sâu sắc và toàn diện. Trong lĩnh vực kinh tế, các tiềm năng của lực lượng sản xuất đã được đánh thức và trở thành hiện thực, thành các nguồn lực mạnh mẽ cho sự phát triển, nhờ đó đất nước đã ra khỏi tình trạng nước nghèo, kém phát triển, đang đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa, có quan hệ quốc tế rộng rãi và vị thế ngày càng quan trọng trong khu vực và trên thế giới.

Tuy nhiên, nếu xem xét tình hình thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2011, Kết luận của Hội nghị Trung ương 3 (khóa XI) của Đảng đã chỉ ra rằng, bên cạnh một số kết quả bước đầu quan trọng thì vẫn còn những hạn chế yếu kém: Một số chỉ tiêu quan trọng của kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội chưa hoàn thành, nhất là mục tiêu kiềm chế lạm phát, ổn định kinh tế vĩ mô. Đến nay, nền kinh tế vẫn đứng trước nhiều thách thức; kinh tế vĩ mô chưa thật ổn định; lạm phát còn ở mức cao, dự trữ ngoại tệ ít, áp lực đối với tỷ giá còn lớn; thanh khoản của một số ngân hàng thương mại còn yếu. Thị trường chứng khoán, thị trường bất động sản giảm sút, tiềm ẩn nhiều rủi ro. Sản xuất kinh doanh của các doanh nghiệp đang gặp nhiều khó khăn. Đổi mới mô hình tăng trưởng, cơ cấu lại nền kinh tế còn chậm. Đời sống của nhân dân gặp nhiều khó khăn. Giáo dục – đào tạo, y

tế, thể thao còn nhiều mặt bất cập. Tai nạn và ùn tắc giao thông chưa giảm; khiếu kiện đông người, đình công xảy ra ở nhiều nơi; số vụ tội phạm, tệ nạn xã hội gia tăng. Công tác quốc phòng, an ninh, đối ngoại còn hạn chế, yếu kém trên một số mặt. Nghị quyết cũng chỉ ra nguyên nhân khách quan là do tác động của khủng hoảng tài chính, suy thoái kinh tế toàn cầu; nhưng chủ yếu là do những nguyên nhân chủ quan trong nội tại nền kinh tế với mô hình tăng trưởng và cơ cấu kinh tế lạc hậu, kém hiệu quả, tích tụ, kéo dài từ lâu, chậm được khắc phục và do những hạn chế, yếu kém trong lãnh đạo, chỉ đạo, quản lý, điều hành của các cấp, các ngành; đặc biệt là trong điều hành chính sách tiền tệ, tài khóa; quản lý quy hoạch, đầu tư, đất đai, tài nguyên; quản lý thị trường.<sup>(3)</sup> Nói về lạm phát, thật đáng lo ngại khi lạm phát của nước ta năm 2011 vẫn trên 18% (trên thế giới, khi lạm phát vượt quá mức giới hạn cho phép 5% đã được coi là tin xấu).

Việc chưa kiềm chế được lạm phát, kinh tế vĩ mô chưa ổn định đã ảnh hưởng sâu sắc tới cuộc sống của người dân, đặc biệt là cuộc sống của nhóm người dễ bị tổn thương, đó là người nghèo khổ, yếu thế, thu nhập không ổn định, người già, neo đơn, người tàn tật, trẻ mồ côi... . Từ thực tế trên, cho thấy rõ ràng việc nhận thức và vận dụng các quy luật về sự tác động giữa kinh tế và chính trị là có vấn đề, những nội dung của Hội nghị Trung ương lần thứ ba và Hội nghị Trung ương lần thứ tư khóa XI, chính là từng bước nhận thức, vận dụng và giải quyết những vấn đề này trong hiện thực.

Xem xét nguyên nhân bên trong của sự chưa ổn định kinh tế vĩ mô, các nhà khoa học đã chỉ ra những bất cập của mô hình tăng trưởng cũ với các đặc điểm cơ bản và các hệ lụy của nó, như là: *Lấy doanh nghiệp nhà nước (DNNN) làm động lực trung tâm*: Trong giai đoạn 2006-2009, DNNN chiếm 45% tổng đầu tư của khu vực doanh nghiệp, nhưng chỉ đóng góp 28% cho GDP và 19% cho tăng trưởng GDP; 24% việc làm; 20% giá trị sản xuất công nghiệp và 8% cho tăng trưởng giá trị sản xuất công nghiệp. *Tăng trưởng theo chiều rộng*: Tỷ lệ đầu tư toàn xã hội

<sup>(3)</sup> Xem: Tài liệu học tập *Kết luận Hội nghị lần thứ ba Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XI*. Nxb Chính trị Quốc gia – Sự thật, Hà Nội, 2011, tr. 9-11.

quá lớn, hiện nay là 40%-42% GDP. Đóng góp của đầu tư cho tăng trưởng GDP tăng nhanh, từ 5% năm 1990 lên 45% năm 2000 và trên 60% năm 2010, nhưng đóng góp của nhân tố năng suất tổng hợp cho tăng trưởng lại giảm mạnh, từ gần 50% vào năm 1990 xuống 40% năm 2000 và khoảng 20% năm 2010. *Đầu tư công kém hiệu quả*: ICOR của khu vực công hiện cao gấp rưỡi ICOR chung của nền kinh tế và gấp đôi của khu vực dân doanh. *Đầu tư cao kéo theo việc mở rộng tín dụng*: Nếu như năm 1995, tổng đầu tư tích lũy mới chỉ khoảng 100% GDP thì năm 2010, tỷ lệ này lên tới gần 400% GDP, do đó, tổng dư nợ tín dụng tăng từ 25% GDP năm 1995 lên 50% năm 2003 và 135% năm 2010. *Điều hành vĩ mô bất cập*: Hệ quả là bất ổn vĩ mô lặp đi lặp lại với tần suất ngày càng cao, mức độ ngày càng nghiêm trọng. Tín dụng nhiều, tiết kiệm giảm, đầu tư cao, hiệu quả thấp, lạm phát cao, thâm hụt ngân sách lớn.<sup>(4)</sup>

Để hiểu thêm về nguyên nhân chủ quan và có phương pháp giải quyết những yếu kém ở trên, thiết nghĩ, nên suy nghĩ sâu sắc hơn về các quan điểm của Đảng tại Hội nghị Trung ương ba, khóa XI, trong đó *Về tái cấu trúc đầu tư với trọng tâm là đầu tư công*, đã chỉ rõ: “Chiến lược, quy hoạch, kế hoạch và chính sách đầu tư phải có tầm nhìn xa, không bị “tư duy nhiệm kỳ”, tư tưởng cục bộ, bệnh thành tích, chủ quan duy ý chí hay “lợi ích nhóm” chi phối”<sup>(5)</sup>. Chúng ta biết, suy cho cùng thì *lợi ích là động lực* thúc đẩy con người suy nghĩ và hành động. Nếu “tư duy nhiệm kỳ” nhằm hoàn thành xuất sắc những nhiệm vụ kinh tế xã hội đặt ra và hệ thống lợi ích cá nhân, tập thể và xã hội, kể cả “lợi ích nhóm” được giải quyết hài hòa thì xã hội ổn định và phát triển. Ngược lại, chắc chắn sẽ ngăn cản sự phát triển của đời sống kinh tế xã hội. Như thế, phải chăng “tư duy nhiệm kỳ”, tư tưởng cục bộ, bệnh thành tích, chủ quan duy ý chí hay “lợi ích nhóm” nói ở đây có liên quan đến động cơ “chạy” mà các Nghị quyết Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ X và XI đã nêu? Chính việc phải “chạy”, cho nên logic tiếp theo là “tư duy nhiệm kỳ” và “lợi

ích nhóm” là hệ quả tất yếu! Phải chăng, chính một bộ phận không nhỏ cán bộ, đảng viên có chức, có quyền, nhưng thoái hóa, biến chất, lại nắm các nguồn lực lớn của quốc gia đã trực tiếp góp phần khá quan trọng vào sự vận hành của nền kinh tế, làm cho nền kinh tế không đi đúng lợi ích chung của quốc gia, ngăn cản sự phát triển, lạm phát ở mức cao, kéo dài; kinh tế vĩ mô chưa ổn định?? Nghị quyết số 12-NQ/TW-Nghị quyết Hội nghị Trung ương 4 (Khóa XI) cũng chỉ rõ: “Một bộ phận cán bộ lãnh đạo, quản lý nắm giữ khối lượng tài sản, nguồn vốn lớn của tập thể, của nhà nước, đó là môi trường để chủ nghĩa cá nhân vụ lợi, thực dụng phát triển”<sup>(6)</sup>.

Cả lý luận và thực tiễn luôn khẳng định, kinh tế và chính trị có mối quan hệ biện chứng, “*chính trị là sự biểu hiện tập trung của kinh tế*”. Nói tới chính trị, trước hết phải nói tới sự lãnh đạo của Đảng về chính trị, tư tưởng và tổ chức. Nhờ đường lối đổi mới khoa học và cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam, từ Đại hội VI, (1986) tới nay, mọi mặt của đời sống xã hội có những bước phát triển và đạt được những thành tựu rất to lớn không thể phủ nhận.

Tuy nhiên, trong những năm qua, tình hình kinh tế, xã hội của đất nước còn nhiều khó khăn như nói ở trên, xét về nguyên nhân, Đại hội XI cũng như Nghị quyết của các Hội nghị Trung ương tiếp theo đều khẳng định *nguyên nhân chủ quan là chủ yếu*, trong đó trước hết và quan trọng nhất vẫn là vai trò lãnh đạo của Đảng. “Sự lãnh đạo đúng đắn của Đảng là nhân tố hàng đầu quyết định thắng lợi của cách mạng Việt Nam”. Để bảo đảm cho sự lãnh đạo đúng đắn ấy, đương nhiên, công tác xây dựng Đảng một cách toàn diện, thường xuyên và liên tục là đòi hỏi khách quan cho sự phát triển của Đảng. Từ khi thực hiện đường lối đổi mới đến nay, Đảng ta đã ban hành nhiều chủ trương, nghị quyết về xây dựng, chỉnh đốn Đảng. Nhờ đó, công tác xây dựng, chỉnh đốn Đảng đã đạt được nhiều kết quả tích cực. Tuy nhiên, bên cạnh kết quả đạt được, công tác xây dựng Đảng vẫn còn nhiều hạn chế, yếu kém, có những yếu kém, khuyết điểm kéo dài qua nhiều nhiệm kỳ chậm được khắc phục, làm giảm sút lòng tin của nhân dân với Đảng; nếu không được sửa chữa sẽ là thách thức đối với

<sup>(4)</sup> Xem: *Tạp chí Công sản*, Số 829 (11-2011), tr.62.

<sup>(5)</sup> Ban Tuyên giáo Trung ương. *Tài liệu học tập, Kết luận Hội nghị lần thứ ba Ban chấp hành Trung ương Đảng khóa XI*, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội, tr.

19.

<sup>(6)</sup> Báo Nhân Dân, ngày 18 - 1 - 2012. tr. 4.

vai trò lãnh đạo của Đảng và sự tồn vong của chế độ. Nghị quyết số 12-NQ/TW- Nghị quyết Hội nghị Trung ương 4 (Khóa XI), đã nhấn mạnh một số vấn đề cấp bách: “Một bộ phận không nhỏ cán bộ, đảng viên, trong đó có những đảng viên giữ vị trí lãnh đạo, quản lý, kể cả một số cán bộ cao cấp, suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, với những biểu hiện khác nhau về sự phai nhạt lý tưởng, sa vào chủ nghĩa cá nhân ích kỷ, cơ hội, thực dụng, chạy theo danh lợi, tiền tài, kèn cựa địa vị, cục bộ, tham nhũng, lãng phí, tùy tiện, vô nguyên tắc...”<sup>(7)</sup>. Nghị quyết cũng chỉ rõ về tình hình, nguyên nhân, mục tiêu, phương châm và giải pháp cụ thể, thiết thực, có ý nghĩa về lý luận và thực tiễn toàn diện và sâu sắc.

Để góp phần tạo chuyển biến mạnh mẽ về công tác xây dựng Đảng, đặc biệt phải tập trung cao độ để thực hiện tốt *ba vấn đề cấp bách* về công tác xây dựng Đảng, Nghị quyết số 12-NQ/TW- Nghị quyết Hội nghị Trung ương 4 (Khóa XI) nêu bốn nhóm giải pháp đồng bộ, toàn diện, triệt để; với phương châm rất rõ ràng, khoa học: “Nhìn thẳng vào sự thật, đánh giá đúng sự thật, khách quan, không nể nang, tránh né..., có trọng tâm, trọng điểm, khả thi, kết hợp “chống và xây”, “xây và chống”, nói đi đôi với làm..., bình tĩnh, tỉnh táo, không nóng vội cực đoan; đồng thời không để rơi vào trì trệ, hình thức...”. Sự ra đời của Nghị quyết Trung ương 4 (Khóa XI), đã thu hút được sự quan tâm sâu sắc, với những kỳ vọng của đông đảo các tầng lớp nhân dân.

Nói đổi mới kinh tế và đổi mới chính trị, xét đến cùng, cũng nhằm phát huy quyền làm chủ của nhân dân một cách mạnh mẽ nhất, sáng tạo nhất trên mọi mặt của đời sống xã hội, cũng như tăng cường sức mạnh của đất nước, của dân tộc bằng mối quan hệ máu thịt giữa Đảng và Dân. V.I. Lênin, đã từng chỉ rõ: “Chỉ có người nào tin tưởng vào nhân dân, dẫn mình vào nguồn sáng tạo sinh động của nhân dân, mới là người chiến thắng và giữ được chính quyền”<sup>(8)</sup>. Cương lĩnh (bổ sung, phát triển năm 2011) cũng khẳng định: “Chính Nhân dân là người làm nên những thắng lợi lịch sử. Toàn bộ hoạt động của Đảng

phải xuất phát từ lợi ích và nguyện vọng chính đáng của nhân dân. Sức mạnh của Đảng là ở sự gắn bó mật thiết với Nhân dân”; “Đảng không có lợi ích nào khác ngoài việc phụng sự Tổ quốc, phục vụ nhân dân”. Sinh thời Chủ tịch Hồ Chí Minh cũng dạy rằng: “Chúng ta phải học dân chúng, phải hỏi dân chúng, phải hiểu dân chúng... mỗi một công tác, mỗi một chính sách của chúng ta, phải dựa vào ý kiến và kinh nghiệm của dân chúng, phải nghe theo nguyện vọng của dân chúng. Mà muốn hiểu biết, học hỏi dân chúng, thì ắt phải có nhiệt thành, có quyết tâm, phải khiêm tốn, phải chịu khó. Nếu không vậy, thì dân chúng sẽ không tin chúng ta. Biết, họ cũng không nói. Nói, họ cũng không nói hết lời”<sup>(9)</sup>.

Do vậy, công tác xây dựng Đảng hiện nay, *rất cần động viên, kêu gọi các đoàn thể nhân dân tích cực đóng góp ý kiến* thông qua các diễn đàn, các hình thức phong phú cho đội ngũ cán bộ lãnh đạo, quản lý các cấp, nhất là cấp trung ương; những người đứng đầu cấp uỷ và chính quyền nói riêng và toàn thể cán bộ đảng viên nói chung.

Có thể nói, việc không ngừng nhận thức và giải quyết mối quan hệ *giữa đổi mới kinh tế và đổi mới chính trị* trên đất nước ta là vấn đề rất cơ bản nhưng cũng vô cùng khó khăn và phức tạp. Chỉ có thể nhận thức và giải quyết vấn đề này khi nhận thức và vận dụng đúng đắn sáng tạo các nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác – Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh; các qui luật khách quan chi phối sự vận động cả trong lực lượng sản xuất, quan hệ sản xuất, cơ sở hạ tầng và kiến trúc thượng tầng. Đồng thời, không ngừng tổng kết thực tiễn sinh động để bổ sung, phát triển lý luận, đường lối, chủ trương chính sách. Đặc biệt, những vấn đề về phát triển kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa; về xây dựng Đảng cầm quyền; xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa và phát huy nền dân chủ xã hội chủ nghĩa có ý nghĩa vô cùng quan trọng.

<sup>(7)</sup> Báo Nhân Dân, đã dẫn, tr. 4.

<sup>(8)</sup> V.I. Lênin. *Toàn tập*, t. 35, Nxb Tiến bộ, Mátxcova, 1976, tr. 68-69.

<sup>(9)</sup> Hồ Chí Minh. *Toàn tập*, t. 5, tr. 293.